

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Số: 3494 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Định, ngày 07 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Nâng cấp mở rộng đường ĐT.630 kết nối trung tâm
huyện Hoài Ân với thị xã Hoài Nhơn (qua cầu Phú Văn).

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 404/TTr-STC ngày 04/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Tên dự án: Nâng cấp mở rộng đường ĐT.630 kết nối trung tâm huyện Hoài Ân với thị xã Hoài Nhơn (qua cầu Phú Văn);
- Chủ đầu tư: Ban QLDA Giao thông tỉnh;
- Cơ quan phê duyệt dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;
- Địa điểm xây dựng: Huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): Ngày 28/12/2021-26/7/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán
Tổng cộng	84.174.021.000	79.575.662.600
1. Bồi thường, GPMB	34.786.497.000	34.067.284.600
2. Chi phí xây dựng	43.075.550.000	40.953.432.000
3. Chi phí quản lý dự án	892.341.000	892.341.000
4. Tư vấn đầu tư xây dựng	2.559.504.000	2.337.458.000

- Khảo sát, lập Báo cáo NCKT	467.651.000	463.031.000
- Khảo sát, lập thiết kế BVTC-Dự toán	639.252.000	639.251.000
- Thẩm tra thiết kế BVTC-Dự toán	103.723.000	100.341.000
- Giám sát thi công	1.049.880.000	985.837.000
- Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	148.998.000	148.998.000
- Chi phí tư vấn khác	150.000.000	0
5. Chi phí khác	1.832.765.000	1.325.147.000
- Phí thẩm định Báo cáo NCKT	4.900.000	4.899.000
- Phí thẩm định thiết kế BVTC-Dự toán	9.391.000	9.390.000
- Bảo hiểm	118.059.000	118.058.000
- Lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn khảo sát, lập thiết kế BVTC-dự toán	2.000.000	2.000.000
- Phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT tư vấn khảo sát, lập thiết kế BVTC-dự toán	2.000.000	2.000.000
- Lập HSMT và đánh giá HSDT xây lắp	57.880.000	57.878.000
- Phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT xây lắp	34.798.000	34.798.000
- Lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn giám sát thi công	2.000.000	2.000.000
- Phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT tư vấn giám sát thi công	2.000.000	2.000.000
- Chi phí HĐ TV giải quyết kiến nghị của NT	7.666.000	0
- Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	9.155.000	0
- Chi phí đảm bảo ATGT	114.132.000	0
- Cấm mốc GPMB	292.242.000	292.242.000
- Pano quy hoạch	137.617.000	137.616.000
- Chi phí hạ tầng trạm trộn	120.658.000	0
- Chi phí hoàn trả HTKT do bị ảnh hưởng khi thi công XD công trình	135.000.000	0
- Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	399.338.000	373.255.000
- Kiểm toán	246.098.000	232.268.000
- Thẩm tra phê duyệt quyết toán	137.831.000	56.743.000
6. Chi phí dự phòng	1.027.364.000	0

2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán được phê duyệt	Thực hiện				
		Giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn đã thu hồi	Số vốn phải thu hồi
Tổng số	84.174.021	79.575.662,6	79.067.284,6	566.044	57.666	0
Vốn đầu tư công (Vốn NS tỉnh)			79.067.284,6			
Trong đó:						
Bồi thường, GPMB		34.067.284,6	34.067.284,6			
Xây dựng		40.953.432	41.011.098		57.666	
Quản lý dự án		892.341	838.381	53.960		
Tư vấn đầu tư		2.337.458	2.114.385	223.073		
Chi phí khác		1.325.147	1.036.136	289.011		

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			79.575.662.600	79.575.662.600
Tài sản dài hạn (TS cố định)			79.575.662.600	79.575.662.600

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.
- Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng.

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số	79.575.662.600	
1	Vốn đã được thanh toán (Nguồn ngân sách tỉnh)	79.067.284.600	

2	Vốn đã thu hồi	57.666.000	
3	Vốn chưa được thanh toán	566.044.000	

Các khoản công nợ tính đến ngày nộp báo cáo quyết toán (26/01/2024) là:

- Tổng nợ phải thu:	không.
- Tổng nợ phải trả:	566.044.000 đồng;
+ Quản lý dự án:	53.960.000 đồng;
+ Tư vấn giám sát:	223.073.000 đồng;
+ Chi phí khác:	289.011.000 đồng;
.Kiểm toán:	232.268.000 đồng;
.Thẩm tra phê duyệt quyết toán:	56.743.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
UBND huyện Hoài Ân	79.575.662.600	

Điều 4. Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Hoài Ân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng